

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :302

sang; phở thòt bò viên nam cá rôti củ cải
trắng gia rau húng
Sữa grow
Trở lại : Cơm ech kho nghé nam rôti cá rôti
hành tây. Canh rau đen nấu bắp của nông
thòt heo nạc
Món luộc: cải thảo
Xe: nộm cam
Xe chiều: Cháo thòt ọc heo bí nỏ me

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36974				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
*CHỒ				
1	Ram (muối)	2,000	1,060	21,200
2	Củ khoai	1,000	19,800	198,000
3	Nộm mâm Cá (loại 1)	3,000	5,940	178,200
4	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
5	Nộm cá	6,000	3,880	232,800
6	Nghé tươi	300	5,460	16,380
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	1,000	990	9,900
9	Gạo tẻ máy	22,000	2,630	578,600
10	Mè (vỏ)	300	11,880	35,640
11	Hành lá	1,500	5,360	80,400
12	Hành củ tươi	1,000	5,780	57,800
13	Nam rôti	1,500	13,130	196,950
14	Cá rôti	5,000	5,460	273,000
15	Củ cải trắng	500	2,730	13,650
16	Gia nấu xanh	1,000	2,520	25,200
17	Hành tây	1,000	3,570	35,700
18	Nấu bắp	2,500	6,720	168,000
19	Bí ngô (Bí nỏ)	4,000	3,360	134,400
20	Rau đen	5,000	4,730	236,500
21	Cải thảo*	4,000	5,460	218,400
22	Rau húng	200	11,870	23,740
23	Bánh chả	1,500	18,700	280,500
24	Bánh phở	16,000	1,820	291,200
25	Thòt lợn nạc	13,200	18,060	2,383,920
26	Thòt bọ loại 1	2,000	37,800	756,000
27	Thòt ech	6,500	27,300	1,774,500
28	Ớc lợn	4,000	6,930	277,200
29	Cam	24,000	4,620	1,108,800
Cong				9,833,680
*XUẤT KHO				
30	Sữa bột Abbot Grow	6,500	20,500	1,332,500
Cong				1,332,500
Tổng tiền thức phẩm				11,166,180 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11174000(đ)
Số đồ nấu ngay				0(đ)
Số đồ cuối ngày				7820(đ)
Xuất ăn luy ke tổ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy ke tổ nấu tháng				
Tiền chi luy ke tổ nấu tháng				